

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của
TGD SGDCCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCCK TPHCM)

CÔNG TY CP CAO SU THỐNG NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bà Rịa, Ngày 24 tháng 03 năm 2014

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Mã chứng khoán: TNC

Địa chỉ trụ sở chính: 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh BRVT

Điện thoại: 064.3823119

Fax: 064.3823120

Người thực hiện công bố thông tin: NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM

Địa chỉ: 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh BRVT

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng):

Fax:

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*):

Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán BDO – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh lập ngày 19 tháng 03 năm 2015.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/03/2015 tại đường dẫn trcbrvt.com hoặc trc.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nội dung thông tin cần công bố và
các tài liệu có liên quan

Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Lê Văn Lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8-24

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. Công ty

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ hai ngày 30 tháng 12 năm 2013 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong năm tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng mới, khai thác cao su; chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Lợi	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Phó chủ tịch
Ông Lê Cao Thương	Thành viên (từ nhiệm vào ngày 11 tháng 4 năm 2014)
Ông Đỗ Khắc Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thoại	Thành viên
Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Kim Hạnh	Thành viên
Ông Hà Phú Quý	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Lợi	Tổng Giám đốc
Ông Lê Như Sinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Phó Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

6. **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

7. **Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cũng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Ông **LÊ VĂN LỢI**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Bà Rịa, ngày 19 tháng 3 năm 2015

3376
HI N
IG T
IEM:
BE
TP. HỒ
TP.

Số : TNRUB/014.HCM.2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất ("Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2015 từ trang 4 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ THANH
Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán : 0185-2013-038-1

NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán : 0428-2013-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		204.605.900.018	218.933.694.083
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	144.159.013.233	139.520.497.552
Tiền	111		33.943.506.384	29.520.497.552
Các khoản tương đương tiền	112		110.215.506.849	110.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	4.2	10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu	130		8.024.840.878	25.165.693.988
Phải thu khách hàng	131	4.3	10.853.448.772	27.060.328.310
Trả trước cho người bán	132		30.000.000	79.394.993
Các khoản phải thu khác	135	4.4	2.044.075.455	2.962.970.685
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.5	(4.902.683.349)	(4.937.000.000)
Hàng tồn kho	140	4.6	28.254.032.233	32.540.022.404
Hàng tồn kho	141		29.710.348.649	32.540.022.404
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.456.316.416)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		14.168.013.674	11.707.480.139
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	4.7	13.541.873.741	11.012.610.246
Tài sản ngắn hạn khác	158		626.139.933	694.869.893
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		127.999.042.492	129.132.227.577
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		100.833.420.617	101.841.349.864
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	58.659.011.273	65.674.606.991
Nguyên giá	222		119.813.303.767	127.112.967.614
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.154.292.494)	(61.438.360.623)
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	340.000.000	-
Nguyên giá	228		340.000.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.10	41.834.409.344	36.166.742.873
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		26.811.175.704	26.811.175.704
Đầu tư dài hạn khác	258	4.11	26.811.175.704	26.811.175.704
Tài sản dài hạn khác	260		354.446.171	479.702.009
Chi phí trả trước dài hạn	261		354.446.171	479.702.009
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		332.604.942.510	348.065.921.660

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		30.901.341.936	31.848.800.986
Nợ ngắn hạn	310		30.901.341.936	31.848.800.986
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.12	247.426.902	247.426.902
Phải trả cho người bán	312	4.13	2.348.150.876	3.828.597.534
Người mua trả tiền trước	313		1.551.690.000	632.600.000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.7	2.030.288.095	2.199.448.190
Phải trả công nhân viên	315		6.574.982.694	6.922.027.999
Chi phí phải trả	316	4.14	14.405.535.519	12.422.842.004
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.15	1.410.984.366	2.054.639.070
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.16	2.332.283.484	3.541.219.287
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.17	301.703.600.574	316.217.120.674
Vốn chủ sở hữu	410		301.703.600.574	316.217.120.674
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192.500.000.000	192.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		71.123.106.879	65.243.925.382
Quỹ dự phòng tài chính	418		14.104.995.493	12.531.062.057
Lợi nhuận chưa phân phối	420		23.975.498.202	45.942.133.235
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		332.604.942.510	348.065.921.660

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Ngoại tệ các loại			
- USD	4.1	2.511,13	2.507,25

Cluco nhuat

[Signature]



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI
Tổng giám đốc
TP. Bà Rịa, ngày 19 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		63.873.191.649	142.047.640.067
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	63.873.191.649	142.047.640.067
Giá vốn hàng bán	11	5.2	64.228.561.382	125.825.475.120
Lợi nhuận gộp	20		(355.369.733)	16.222.164.947
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	12.076.986.563	15.419.843.970
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		121.035.024	242.398.883
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.4	7.862.544.045	6.648.362.397
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		3.738.037.761	24.751.247.637
Thu nhập khác	31	5.5	23.414.587.528	34.120.681.347
Chi phí khác	32	5.6	5.779.682.143	18.446.622.822
Lợi nhuận khác	40		17.634.905.385	15.674.058.525
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.372.943.146	40.425.306.162
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	3.871.585.034	5.715.322.821
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.7	-	500.000.000
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.501.358.112	34.209.983.341
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.8	909	1.777

Chức vụ



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI
Tổng giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 19 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	21.372.943.146	40.425.306.162
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.922.882.094	7.336.997.242
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	1.421.999.765	(1.429.898.999)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(29.848.318.570)	(31.053.603.586)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	(130.493.565)	15.278.800.819
Giảm/ (tăng) các khoản phải thu	09	14.618.636.226	(14.626.294.384)
Giảm hàng tồn kho	10	2.829.673.755	2.075.983.076
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	159.126.206	(20.165.221.651)
Giảm chi phí trả trước	12	125.255.838	1.139.981.174
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.437.268.017)	(4.846.815.435)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	5.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(6.500.824.374)	(9.386.359.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.664.106.069	(30.524.925.401)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(9.908.003.612)	(15.796.991.478)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	21.734.163.418	21.414.838.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(10.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.143.720.806	15.208.903.114
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	23.969.880.612	10.826.749.636
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(26.995.471.000)	(38.453.270.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(26.995.471.000)	(38.453.270.500)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	4.638.515.681	(58.151.446.265)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	139.520.497.552	197.671.943.817
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	144.159.013.233	139.520.497.552





NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI
Tổng giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 19 tháng 3 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Cao su Thống Nhất - theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 1 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ.UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 26 tháng 6 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ hai ngày 30 tháng 12 năm 2013 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty:

- Nông trường cao su Hòa Bình 2;
- Nông trường cao su Phong Phú;
- Nhà máy sơ chế cao su Phong Phú;
- Nhà máy chế biến cao su và gỗ Bàu Non.
- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng;
- Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Hưng Long (ngừng hoạt động từ cuối tháng 5 năm 2014 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị);
- Xí nghiệp xây dựng và chế biến gỗ Phước Trung (ngừng hoạt động từ cuối năm 2013 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị).

Trong năm tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng mới, khai thác cao su; chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, số lượng công nhân viên của Công ty là 562 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 685 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.



3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 7,5 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 7 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao trong thời gian 6 năm.

3.7 Xây dựng cơ bản dở dang ("XDCB")

Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian khai thác ước tính từ 5 đến 20 năm.

Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.8 Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

3.9 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

3.11 Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo Quyết định giao đơn giá tiền lương năm 2014 của Hội đồng Quản trị Công ty.

3.12 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

3.14 Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định, tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Bà Rịa, Việt Nam	Cổ đông
Bà Châu Thị Hồng Diệp	Bà Rịa, Việt Nam	Cổ đông
Công ty TNHH Lê Danh	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	2.188.772.225	1.232.057.079
Tiền gửi ngân hàng - VND	31.701.046.200	28.235.572.782
Tiền gửi ngân hàng - USD	53.687.959	52.867.691
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng - VND	110.215.506.849	110.000.000.000
	144.159.013.233	139.520.497.552

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là 2.511,13 USD tương đương với 53.687.959 VND.

Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng bằng VND tại các ngân hàng với lãi suất hiện tại là 4,6%-5,6%/năm.

4.2 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng - VND	10.000.000.000	10.000.000.000

4.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu thương mại – Bên thứ ba (*)	10.797.410.482	27.036.187.970
Phải thu thương mại – Bên liên quan	56.038.290	24.140.340
	10.853.448.772	27.060.328.310

(*) Trong đó bao gồm 4.219.180.000 VND là khoản phải thu từ Doanh nghiệp tư nhân ("DNTN") Phát Hưng phát sinh từ năm 2006 và 316.984.495 VND là khoản nợ khó đòi từ các khách hàng của Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Hưng Long. Các khoản phải thu khó đòi này đã được lập dự phòng.

4.4 Phải thu khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Lãi dự thu	596.500.000	664.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	274.500.000	303.000.000
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	241.222.148	500.810.815
Phải thu khác (*)	931.853.307	1.495.159.870
	2.044.075.455	2.962.970.685

(*) Trong đó bao gồm 517.820.000 VND là khoản trả trước cho Doanh nghiệp tư nhân Phát Hưng từ năm 2006 và đã được lập dự phòng.

3767-
 NHÀ
 TY K
 M T O
 Đ O
 HỒ CHÍ
 P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.5 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	4.937.000.000	6.366.898.999
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(34.316.651)	(1.429.898.999)
Số dư cuối năm	4.902.683.349	4.937.000.000

4.6 Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên vật liệu	1.752.328.701	2.770.918.852
Công cụ dụng cụ	639.438.773	585.438.559
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	457.474.841	141.601.806
Thành phẩm	26.858.876.334	29.039.833.187
Hàng hóa	2.230.000	2.230.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	29.710.348.649	32.540.022.404
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.456.316.416)	-
Giá trị thuần	28.254.032.233	32.540.022.404

Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập trong năm	1.456.316.416	-
Số dư cuối năm	1.456.316.416	-

4.7 Thuế

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền thuế đất (tạm nộp) (*)	13.541.873.741	11.008.079.226
Thuế tài nguyên (nộp thừa)	-	4.531.020
	13.541.873.741	11.012.610.246

(*) : Đây là tiền thuế đất tạm nộp từ năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 đối với 2.082 ha đất nông nghiệp dựa trên đơn giá cho thuê đất tạm tính theo quy định của Nhà Nước do hiện nay Công ty vẫn chưa hoàn tất việc quyết toán tiền thuế đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế thu nhập cá nhân	6.665.705	43.227.445
Thuế GTGT hàng bán nội địa	284.503.737	852.224.909
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.738.312.853	1.303.995.836
Thuế khác	805.800	-
	2.030.288.095	2.199.448.190

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Vườn cây cao su VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2014	37.343.023.635	21.097.911.859	3.653.103.507	1.092.022.320	63.926.906.293	127.112.967.614
Tăng từ XDCB	2.304.330.149	121.800.000	-	-	1.474.206.992	3.900.337.141
Thanh lý	-	(172.570.380)	-	-	(11.027.430.608)	(11.200.000.988)
Vào ngày 31/12/2014	39.647.353.784	21.047.141.479	3.653.103.507	1.092.022.320	54.373.682.677	119.813.303.767
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2014	25.978.457.904	11.262.095.433	3.393.552.327	1.017.456.788	19.786.798.171	61.438.360.623
Khấu hao trong năm	2.278.497.097	2.002.887.586	131.355.796	29.402.728	2.511.723.998	6.953.867.205
Thanh lý	-	(172.570.380)	-	-	(7.065.364.954)	(7.237.935.334)
Vào ngày 31/12/2014	28.256.955.001	13.092.412.639	3.524.908.123	1.046.859.516	15.233.157.215	61.154.292.494
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2014	11.364.565.731	9.835.816.426	259.551.180	74.565.532	44.140.108.122	65.674.606.991
Vào ngày 31/12/2014	11.390.398.783	7.954.728.840	128.195.384	45.162.804	39.140.525.462	58.659.011.273

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 23.195.981.581 VND (31 tháng 12 năm 2013 là 24.462.364.950 VND).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị còn lại của tài sản cố định chờ thanh lý tại Nhà máy thức ăn gia súc Hưng Long là 2.222.115.753 VND.

Trong tài sản cố định hữu hình bao gồm nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định được hình thành từ quỹ phúc lợi lần lượt là 309.851.108 VND, 271.744.928 VND và 38.106.180 VND.

Trong năm, Công ty đã tiến hành thanh lý vườn cây cao su để trồng mới tại Nông trường cao su Hòa Bình 2 và Nông trường cao su Phong Phú, chi tiết như sau :

Nông trường	Số lượng cây	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Hòa Bình 2	63.622	10.932.136.443	(7.048.542.166)	3.883.594.277
Phong Phú	717	95.294.165	(16.822.788)	78.471.377
	64.339	11.027.430.608	(7.065.364.954)	3.962.065.654

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2014	-
Tăng từ XDCB	340.000.000
Vào ngày 31/12/2014	<u>340.000.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2014	-
Khấu hao trong năm	-
Vào ngày 31/12/2014	-
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2014	-
Vào ngày 31/12/2014	<u>340.000.000</u>

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2014	Tăng	Kết chuyển TSCĐ	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Vườn cây cao su tại Nông trường Hòa Bình 2	25.555.939.946	7.963.988.578	(1.071.717.026)	32.448.211.498
Vườn cây cao su tại Nông trường Phong Phú	8.178.858.232	1.551.920.489	(402.489.966)	9.328.288.755
Phần mềm quản lý vườn cây	340.000.000	-	(340.000.000)	-
Chi phí xây dựng cơ bản khác	2.091.944.695	392.094.545	(2.426.130.149)	57.909.091
	<u>36.166.742.873</u>	<u>9.908.003.612</u>	<u>(4.240.337.141)</u>	<u>41.834.409.344</u>

4.11 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty Baria Serece	<u>26.811.175.704</u>	<u>26.811.175.704</u>

Khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Baria Serece là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ của công ty này.

4.12 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công nợ thâm canh cà phê	<u>247.426.902</u>	<u>247.426.902</u>

Đây là khoản công nợ thâm canh cà phê nhận bàn giao từ Công ty Cà phê Đồng Nai vào ngày 27 tháng 4 năm 1994 phải trả cho Tổng công ty Cà phê Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.13 Phải trả người bán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả cho người bán – bên thứ ba	<u>2.348.150.876</u>	<u>3.828.597.534</u>

4.14 Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí ăn giữa ca	143.689.000	194.790.000
Chi phí thuê đất (*)	14.206.846.519	11.673.052.004
Chi phí khác	55.000.000	555.000.000
	<u>14.405.535.519</u>	<u>12.422.842.004</u>

(*) : Đây là khoản tiền thuê đất ước tính phải trả cho Nhà nước đối với đất nông nghiệp thuê với diện tích ước tính khoảng 2.082 ha trên cơ sở đơn giá cho thuê đất theo quy định từ khi chuyển sang công ty cổ phần, do hiện nay Công ty vẫn chưa hoàn tất việc quyết toán tiền thuê đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4.15 Phải trả khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Cổ tức phải trả	1.104.176.268	1.149.647.268
Nhà thầu xây dựng ký quỹ bảo lãnh	282.241.300	453.063.008
Phải trả khác	24.566.798	451.928.794
	<u>1.410.984.366</u>	<u>2.054.639.070</u>

4.16 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	3.541.219.287	2.811.907.677
Trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận	4.721.800.308	9.500.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	(5.899.751.000)	(8.739.359.000)
Khấu hao tài sản cố định từ quỹ phúc lợi	(30.985.111)	(31.329.390)
Số dư cuối năm	<u>2.332.283.484</u>	<u>3.541.219.287</u>

13337
 CHI
 ÔNG
 KIỂM
 B
 S1 TP. H
 7 - TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.17 Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước					
Số dư 01/01/2013	192.500.000.000	49.492.432.100	9.531.062.057	79.083.643.176	330.607.137.333
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	34.209.983.341	34.209.983.341
Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính	-	16.251.493.282	3.000.000.000	(19.251.493.282)	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	(500.000.000)	-	(9.000.000.000)	(9.500.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(38.500.000.000)	(38.500.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Số dư 31/12/2013	192.500.000.000	65.243.925.382	12.531.062.057	45.942.133.235	316.217.120.674
Năm nay					
Số dư 01/01/2014	192.500.000.000	65.243.925.382	12.531.062.057	45.942.133.235	316.217.120.674
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	17.501.358.112	17.501.358.112
Tăng khác	-	-	-	286.495.470	286.495.470
Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính	-	5.879.181.497	1.573.933.436	(7.453.114.933)	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.721.800.308)	(4.721.800.308)
Chia cổ tức	-	-	-	(26.950.000.000)	(26.950.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	-	(629.573.374)	(629.573.374)
Số dư 31/12/2014	192.500.000.000	71.123.106.879	14.104.995.493	23.975.498.202	301.703.600.574

Trong năm, các quỹ Đầu tư phát triển, Dự phòng tài chính và Khen thưởng phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 vào ngày 16 tháng 4 năm 2014.

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ (tiếp theo)

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	2014 VND	2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	192.500.000.000	192.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	<u>192.500.000.000</u>	<u>192.500.000.000</u>
Chia cổ tức trong năm	26.950.000.000	38.500.000.000

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 vào ngày 16 tháng 4 năm 2014, cổ tức năm 2013 được chia theo tỷ lệ 14% (cổ tức năm 2012 chia trong trong 2013 : 20%).

Cổ phiếu

-	31/12/2014	01/01/2014
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/CP	10.000 VND/CP
- Cổ phiếu ưu đãi : không có		



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán mủ cao su	47.350.914.136	65.715.875.000
Doanh thu bán nhân điều, điều thô	-	38.896.738.822
Doanh thu bán thức ăn gia súc	2.669.461.013	18.064.814.815
Doanh thu sản xuất và gia công đồ gỗ	-	11.479.175.230
Doanh thu khác (chủ yếu là gia công nhân điều)	13.852.816.500	7.891.036.200
	63.873.191.649	142.047.640.067
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	63.873.191.649	142.047.640.067

5.2 Giá vốn hàng bán

Phân loại theo tính chất

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn bán mủ cao su	47.831.535.093	51.901.314.592
Giá vốn bán nhân điều, điều thô	-	37.169.814.365
Giá vốn thức ăn gia súc	3.757.430.964	18.260.654.069
Giá vốn sản xuất và gia công đồ gỗ	-	11.260.672.811
Giá vốn khác (chủ yếu là gia công nhân điều)	12.639.595.325	7.233.019.283
	64.228.561.382	125.825.475.120

Chi tiết giá vốn hàng bán theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	7.020.237.509	60.686.927.696
Chi phí nhân công	29.236.654.185	35.165.568.593
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.218.595.788	7.008.360.096
Chi phí dụng cụ sản xuất	1.141.002.929	1.087.596.088
Chi phí gia công	7.271.500.059	7.189.062.098
Chi phí khác	8.975.930.255	12.837.342.111
Chênh lệch sản phẩm dở dang đầu năm và cuối năm	(315.873.035)	(141.601.806)
Chênh lệch thành phẩm đầu năm và cuối năm	2.180.956.853	1.992.220.244
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.499.556.839	-
	64.228.561.382	125.825.475.120

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.584.885.545	10.608.216.316
Cổ tức được chia	4.491.335.261	4.807.686.798
Lãi chênh lệch tỷ giá	765.757	3.940.856
	12.076.986.563	15.419.843.970

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.875.048.237	6.432.595.327
Vật liệu, dụng cụ thiết bị văn phòng	108.991.648	78.455.456
Chi phí khấu hao tài sản cố định	238.569.455	253.647.884
Thuế, phí và lệ phí	11.794.115	153.621.077
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	-	(1.067.218.125)
Chi trợ cấp thôi việc	1.374.285.500	-
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(34.316.651)	(1.429.898.999)
Chi phí khác	2.288.171.741	2.227.159.777
	7.862.544.045	6.648.362.397

5.5 Thu nhập khác

	2014 VND	2013 VND
Thu thanh lý cây cao su	21.921.343.600	33.608.118.000
Thu thanh lý tài sản cố định	42.000.000	1.750.000
Xử lý nợ phải trả	-	124.925.000
Thu khác	1.451.243.928	385.888.347
	23.414.587.528	34.120.681.347

5.6 Chi phí khác

	2014 VND	2013 VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	3.962.065.654	5.777.137.528
Chi phí thanh lý tài sản	229.180.182	12.193.280.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định ngưng sử dụng	465.716.851	74.989.262
Chi phí khác	1.122.719.456	401.216.032
	5.779.682.143	18.446.622.822

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.871.585.034	5.715.322.821
Chi phí thuế hoãn lại	-	500.000.000
	<u>3.871.585.034</u>	<u>6.215.322.821</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	21.372.943.146	40.425.306.162
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận trước thuế khi xác định thu nhập chịu thuế :		
- Chi phí không được khấu trừ	716.505.906	168.930.419
- Thu nhập không chịu thuế	(4.491.335.261)	(4.807.686.798)
- Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	(2.000.000.000)
Lợi nhuận tính thuế	<u>17.598.113.791</u>	<u>33.786.549.783</u>
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi (25%x50%)	-	2.731.314.625
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất phổ thông (2014 : 22%; 2013 : 25%)	3.871.585.034	2.984.008.196
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>3.871.585.034</u>	<u>5.715.322.821</u>

5.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2014	2013
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	17.501.358.112	34.209.983.341
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000 CP	19.250.000 CP
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>909 VND/CP</u>	<u>1.777 VND/CP</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: cao su, nông sản, thức ăn gia súc, gỗ

Kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013

	Cao su		Nông sản		Thức ăn gia súc		Gỗ		Cộng		Đơn vị tính : triệu VND
	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013	
Doanh thu bán cho bên ngoài	47.351	65.715	13.853	46.788	2.669	18.065	-	11.479	63.873	142.047	
Giá vốn	(47.832)	(51.875)	(12.640)	(44.403)	(3.757)	(18.287)	-	(11.261)	(64.229)	(125.826)	
Chi phí bán hàng	(29)	(29)	(15)	(37)	(77)	(175)	-	(1)	(121)	(242)	
Lợi nhuận khác	18.355	15.670	(140)	4	(580)	-	-	-	17.635	15.674	
Kết quả bộ phận	17.815	29.481	1.058	2.352	(1.719)	(397)	-	217	17.158	31.653	
Chi phí không phân bổ									(7.862)	(6.648)	
Doanh thu tài chính									12.077	15.420	
Chi phí tài chính									(3.872)	(6.215)	
Thuế TNDN									17.501	34.210	
Lợi nhuận sau thuế									9.908	15.797	
Chi phí mua sắm tài sản	9.908	15.609	-	188	-	-	-	-	9.908	15.797	
Chi phí khấu hao	5.709	6.025	406	441	807	871	-	-	6.922	7.337	
Tài sản và nợ phải trả theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013											Đơn vị tính : triệu VND
	Cao su		Nông sản		Thức ăn gia súc		Gỗ		Cộng		
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	
Tài sản bộ phận	323.573	320.537	3.983	14.383	5.049	9.007	-	4.139	332.605	348.066	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Cộng tài sản	323.573	320.537	3.983	14.383	5.049	9.007	-	4.139	332.605	348.066	
Nợ phải trả bộ phận	29.248	28.873	831	56	822	2.919	-	-	30.901	31.848	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Cộng nợ phải trả	29.248	28.873	831	56	822	2.919	-	-	30.901	31.848	

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không được lập do Công ty hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính :

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Công ty có các tài sản tài chính như : các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Đơn vị tính : Triệu VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	144.159	139.520	144.159	139.520
Đầu tư ngắn hạn	10.000	10.000	10.000	10.000
Phải thu khách hàng	5.951	22.123	5.951	22.123
Phải thu khác	2.044	2.963	2.044	2.963
	162.154	174.606	162.154	174.606
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	2.348	3.829	2.348	3.829
Các khoản phải trả khác	16.921	13.328	16.921	13.328
	19.269	17.157	19.269	17.157

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng.

- Rủi ro thị trường : Rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng và khi lãi suất giảm làm thu nhập tài chính của Công ty giảm.
- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng giao dịch không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng), tuy nhiên :

Phải thu khách hàng : Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được.

Tiền gửi ngân hàng : Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng đáng kể nào từ các tài khoản tiền gửi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên có liên quan như sau :

Nội dung nghiệp vụ	2014 VND	2013 VND
Công ty TNHH Hưng Nhơn		
Bán cây cao su thanh lý	363.000.000	6.922.550.000
Chi phí cưa, cắt cây cao su thanh lý	-	12.193.280.000
Bà Châu Thị Hồng Điệp		
Gia công mủ	31.897.950	25.638.400
Công ty TNHH Lê Danh		
Mua nhiên liệu	1.434.788.620	1.872.358.182

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu với các bên có liên quan như sau:

Nội dung nghiệp vụ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Bà Châu Thị Hồng Điệp		
Phải thu thương mại	56.038.290	24.140.340

Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau :

	2014 VND	2013 VND
Lương, thưởng và phụ cấp	1.694.260.786	4.402.426.171



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
 Người lập bảng



NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯÔNG
 Kế toán trưởng





LÊ VĂN LỢI
 Tổng Giám đốc
 TP. Bà Rịa, ngày 19 tháng 3 năm 2015